

Số: 46/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ theo chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 6042/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ theo chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ theo chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (theo Phụ lục đính kèm).

Thời gian thực hiện: Năm học 2021 - 2022.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2017; Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định và bổ sung danh mục cụ thể khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh

không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ theo chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm chỉ đạo, rà soát về danh mục cụ thể khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ theo chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đúng, đủ theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: GD và ĐT, LĐ, TB và XH, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: GD và ĐT, LĐ, TB và XH, TC, KBNN, Cục thống kê, Cục thuế tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục
DANH MỤC CỤ THỂ KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO CHÍNH SÁCH CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH VÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở XÃ, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên trường	Địa chỉ trường (ấp, khóm, xã, phường, thị trấn)	Địa bàn cư trú của học sinh (ấp, xã)	Khoảng cách từ nhà đến trường	Ghi chú
I	HUYỆN CHÂU THÀNH				
	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Vũ Đình Liệu	Khóm 2, thị trấn Châu Thành	Áp Phú Mỹ, Xã Mỹ Chánh	12 Km đến 13 Km	
II	HUYỆN CẦU KÈ				
	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Phong Phú	Áp I, xã Phong Phú	Áp II, xã Phong Thạnh	10 Km	
III	HUYỆN CẦU NGANG				
A	Tiểu học				
1	Trường TH Trường Thọ B	Áp Sóc Cụt, xã Trường Thọ	Áp Căn Nom, xã Trường Thọ	Trên 4 Km	
2	Trường TH Thạnh Hòa Sơn A	Áp Lạc Thạnh A, xã Thạnh Hòa Sơn	Các ấp: Cầu Vĩ, Lạc Hòa, Lạc Thạnh A thuộc xã Thạnh Hòa Sơn	Trên 4 Km	

STT	Tên trường	Địa chỉ trường (ấp, xóm, xã, phường, thị trấn)	Địa bàn cư trú của học sinh (ấp, xã)	Khoảng cách từ nhà đến trường	Ghi chú
B	Trung học cơ sở				
1	Trường THCS Nhị Trường	Ấp Nô Lựa, xã Nhị Trường	Các ấp: Long Hanh, Tân Lập thuộc xã Long Sơn	Trên 7 Km	
2	Trường THCS Thạnh Hòa Sơn	Ấp Lạc Thạnh A, xã Thạnh Hòa Sơn	Ấp Cầu Vĩ, xã Thạnh Hòa Sơn	Trên 7 Km	
3	Trường TH-THCS Thuận Hòa	Ấp Thuận An, xã Thuận Hòa	Ấp Ô Răng, xã Long Sơn Các ấp: Sóc Chùa, Trà Kim và ấp Rạch thuộc xã Thuận Hòa	Trên 4 Km	Học sinh Tiểu học
C	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Dương Quang Đông	Khóm Minh Thuận B, thị trấn Cầu Ngang	Ấp Trà Kim, xã Thuận Hòa Các ấp: Bào Mốt, Sóc Mới, Sơn Lang, Tân Lập và Huyện Đức thuộc xã Long Sơn	Trên 10 Km	
2	Trường THPT Nhị Trường	Ấp Bông Ven, xã Nhị Trường	Ấp Chông Bát, xã Nhị Trường Ấp Giữa, xã Kim Hòa Ấp Sóc Giục, xã Long Sơn Các ấp: Giồng Dầy, Cós Xoài và Nô Pộc thuộc xã Trường Thọ	Trên 10 Km	
3	Trường THPT Cầu Ngang B	Ấp Giồng Dài, xã Hiệp Mỹ Tây	Ấp Lạc Sơn, xã Thạnh Hòa Sơn	Trên 10 Km	

STT	Tên trường	Địa chỉ trường (ấp, khóm, xã, phường, thị trấn)	Địa bàn cư trú của học sinh (ấp, xã)	Khoảng cách từ nhà đến trường	Ghi chú
IV	HUYỆN DUYÊN HẢI				
A	Tiểu học				
1	Trường TH Đôn Xuân A	Ấp Chợ, xã Đôn Xuân	Ấp Bà Nhì, xã Đôn Châu Các ấp: Bà Giam A, Bà Giam B, Bà Nhì, Cây Cồng, Cây Da, Chợ, Lộ Sỏi A, Lộ Sỏi B, Quán Âm, Xóm Tộ thuộc xã Đôn Xuân	4 Km	Qua sông
2	Trường TH Đôn Xuân B	Ấp Bà Giam A, xã Đôn Xuân	Các ấp: Bà Giam A, Bà Giam B, Bà Nhì, Cây Cồng, Cây Da, Chợ, Lộ Sỏi A, Lộ Sỏi B, Quán Âm, Xóm Tộ thuộc xã Đôn Xuân	4 Km	
3	Trường TH Đôn Châu A	Ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu	Các ấp: Bà Nhì, Quán Âm, Cây Da, Lộ Sỏi B, Cây Cồng thuộc xã Đôn Xuân Các ấp: Ba Sát, Bà Nhì, Bào Môn, La Bang Chợ, La Bang Chùa, La Bang Kinh, Mồ Côi, Sa Văng, Tà Rom A, Tà Rom B thuộc xã Đôn Châu	4 Km	
B	Trung học cơ sở				

STT	Tên trường	Địa chỉ trường (ấp, xóm, xã, phường, thị trấn)	Địa bàn cư trú của học sinh (ấp, xã)	Khoảng cách từ nhà đến trường	Ghi chú
1	Trường THCS Đôn Châu	Ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu	Các ấp: Ba Sát, Bà Nhì, Bào Môn, La Bang Chợ, La Bang Chùa, La Bang Kinh, Mồ Côi, Sa Văng, Tà Rom A, Tà Rom B thuộc xã Đôn Châu	7 Km	
2	Trường THCS Đôn Xuân	Ấp Chợ, xã Đôn Xuân	Ấp Bà Nhì, xã Đôn Châu Các ấp: Bà Giam A, Bà Giam B, Bà Nhì, Cây Cồng, Cây Da, Chợ, Lộ Sỏi A, Lộ Sỏi B, Quán Âm, Xóm Tộ thuộc xã Đôn Xuân	7 Km	Qua sông
C	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Đôn Châu	Ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu	Ấp Bà Giam B, xã Đôn Xuân	10 Km đến 12 Km	
V	THÀNH PHỐ TRÀ VINH				
	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Ấp Long Bình, phường 4	Do là trường chuyên của tỉnh, phạm vi tuyển sinh của trường là học sinh trong địa bàn tỉnh, do đó căn cứ vào số học sinh có mặt thực tế tại trường và các văn bản hiện hành để xét đối tượng thụ hưởng đúng quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.		

STT	Tên trường	Địa chỉ trường (ấp, xóm, xã, phường, thị trấn)	Địa bàn cư trú của học sinh (ấp, xã)	Khoảng cách từ nhà đến trường	Ghi chú
VI	HUYỆN TRÀ CÚ				
	Trung học phổ thông				
1	Trường THPT Tập Sơn	Ấp Chợ, xã Tập Sơn	Ấp Sóc Tro Dưới, xã An Quảng Hữu	10 Km	
2	Trường THPT Trà Cú	Khóm 5, thị trấn Trà Cú	Ấp Giồng Ông Thìn, xã Thanh Sơn	Trên 10 Km	

KW

7